

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/6/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đông Thị Mười.**

2. Ông **Huỳnh Văn Thanh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Thảo Lan**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang:* Bà **Lê Thị Hồng Nhung**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **13 tháng 6 năm 2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ ĐKTT: ấp TB, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ tạm trú: ấp Lộc Hiệp, xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông **Võ Thanh H**, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Võ Thanh H cưới nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà sinh sống tại TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, ông H có người phụ nữ khác, không lo làm ăn, không cùng bà nuôi dưỡng con chung. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Võ Thanh H không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không khả năng hàn gắn nữa, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Võ Ngọc H, sinh năm 1994, đã thành niên và Võ Khang H, sinh ngày 15/4/2005 hiện đang sống chung với ông Võ Thanh H. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Võ Thanh H trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Lê Thị P về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ông không có đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị P.

Về con chung: thống nhất có 02 con chung như lời trình bày của bà P. Ông đồng ý nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Võ Khang H, không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 15, 81, 82 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000:

+ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H.

+ Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Võ Khang H, sinh ngày 15/4/2005 cho ông Võ Thanh H nuôi dưỡng, bà Lê Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại Thông tư

liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời gian 02 năm (từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và được hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Võ Ngọc H, sinh năm 1994, đã thành niên và Võ Khang H, sinh ngày 15/4/2005 hiện đang sống chung với ông Võ Thanh H. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Thanh H đồng ý nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Võ Khang H, ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Xét, bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H thỏa thuận được người nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Võ Khang H, là tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hy nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H trình bày thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H trình bày thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 15, 81, 82 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Võ Ngọc H, sinh năm 1994, đã thành niên và Võ Khang H, sinh ngày 15/4/2005. Giao con chung chưa thành niên tên Võ Khang H, sinh ngày 15/4/2005 cho ông Võ Thanh H nuôi dưỡng, bà Lê Thị P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16685 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Bà Lê Thị P và ông Võ Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm